

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2574/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt, bản Rào Tre xã
Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5 Ngày: .. 08 / 9

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 775/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg ngày 15/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo;

Căn cứ Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 07 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Văn bản số 1404/UBND-DT ngày 8/5/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc triển khai một số nhiệm vụ phục vụ phát triển bản Rào Tre, xã Hương Liên;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 06/3/2014 của UBND xã Hương Liên; Tờ trình số 564/TTr-SKH ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau khi đã họp thống nhất với các Sở, ngành liên quan),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển Đồng bào dân tộc Chứt, bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu đề án

a. Mục tiêu tổng quát

Bảo tồn và phát triển đồng bào dân tộc Chứt; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, từng bước xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững; đầu tư xây dựng

cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển giáo dục, nâng cao trình độ dân trí; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, giảm sự chênh lệch về khoảng cách phát triển với trong vùng và trên địa bàn, gắn với xây dựng NTM, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

b. Mục tiêu cụ thể

**** Đến năm 2015:***

- Hoàn thành quy hoạch bố trí đất ở di dân dân và đất sản xuất nông nghiệp.

- Bản có nhà sinh hoạt cộng đồng và khu sinh hoạt văn hóa - thể thao.

- 100% hộ gia đình có nhà ở ổn định; 80% dân số được sử dụng nước sạch sinh hoạt; 60% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh; 100% hộ gia đình dùng điện lưới quốc gia ổn định.

- 100% con em trong độ tuổi đi học được đến trường; 100% số học sinh học THCS và THPT được đến học tại trường dân tộc nội trú của huyện; cơ bản các hộ gia đình tiếp cận với truyền thanh, truyền hình.

- Duy trì, phát triển các phong tục, tập quán đặc trưng của dân tộc Chứt.

- Đảm bảo sức khỏe sinh sản, an toàn nòi giống; giải quyết dứt điểm một số bệnh truyền nhiễm như sốt rét, lao.

**** Đến năm 2020.***

- 100% hộ gia đình kinh tế vườn hộ, bình quân mỗi hộ có 1,0-2,0 ha đất lâm nghiệp để sản xuất kinh doanh, có chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm;

- Dân bản tự tổ chức sản xuất và tự túc được lương thực.

- 100% dân số được sử dụng nước sạch sinh hoạt; 100% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ hộ nghèo phần đầu giảm xuống bằng mức bình quân chung của tỉnh.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống (điện, đường, trường học, trạm y tế, thủy lợi,...);

- Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 10%.

- Chi bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả.

3. Giải pháp cụ thể

3.1. Giải pháp về thông tin tuyên truyền:

- Quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh; Tăng cường tuyên truyền, giải thích cho bà con hiểu việc các chính sách hỗ trợ chỉ là thứ yếu sự tự vươn lên của chính mỗi người dân bản mới là cốt yếu để đem lại cuộc sống ổn định, no ấm; phát huy tính tự chủ, tự lực trong lao động sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, từng bước đưa bà con dân bản hòa nhập chung với cộng đồng người kinh trên địa bàn.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, nhất là đối với các hoạt động giao lưu, trao đổi thông tin giữa bà con dân tộc thiểu số với nhau, với đồng bào dân tộc kinh.

- Lựa chọn cán bộ báo cáo viên, tuyên truyền viên có năng lực; Phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể gắn với các nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm tránh sự trùng lặp. Đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, lựa chọn hình thức cung cấp thông tin giúp cho đồng bào dân tộc dễ nghe, dễ nhớ, dễ hiểu.

- Tổ chức cho bà con đi tham quan, học tập tại các bản khác trên địa bàn tỉnh hoặc các tỉnh lân cận; giúp bà con dân bản kết nghĩa đối với các bản dân tộc trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận nhằm giúp bà con hòa nhập, giảm dần và tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, thực hiện tốt chính sách đoàn kết dân tộc, gắn với xây dựng nông thôn mới.

3.2. Giải pháp về đất đai và nhà ở:

- Hoàn thành lập quy hoạch chi tiết sử dụng đất; có phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng trước khi giao đất, giao rừng cho đồng bào dân tộc.

- Bố trí đủ diện tích đất ở $\leq 400\text{m}^2/\text{hộ}$ và $700\text{m}^2/\text{hộ}$ đất vườn liền kề cho 17 hộ dân dự kiến cần tái định cư và 18-23 hộ đồng bào dân tộc kinh theo hướng tách hộ đến sống xen dắm với đồng bào dân tộc Chứt.

- Đối với nhà ở hiện có: Hỗ trợ tu sửa 20 nhà và làm mới 04 nhà.

- Đối với nhà ở tại vùng dự kiến quy hoạch giãn dân: hỗ trợ tháo dỡ, lắp dựng lại nhà cửa; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, sinh hoạt và xây dựng mới 11 nhà ở.

3.3. Giải pháp về phát triển sản xuất:

- Sản xuất nông nghiệp: Lập phương án giao ruộng đến từng hộ, khoảng $5.000\text{ m}^2/\text{hộ}$, trong đó sản xuất lúa nước 3.000 m^2 , đậu, lạc, khoai sắn các loại khoảng 2.000 m^2 .

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đối với trâu, bò làm chuồng, kết hợp với việc chăn thả; đối với lợn phải làm chuồng nuôi nhốt để đảm bảo vệ sinh; trước mắt hỗ trợ cho mỗi hộ 1 bò; 02 con lợn làm giống và hướng dẫn bà con phát triển đàn gia cầm (gà, vịt, ngan).

- Lâm nghiệp: Giao đất, gắn với giao rừng cho bà con phát triển sản xuất. Trước mắt bố trí trồng rừng nguyên liệu (Keo) kết hợp với trồng lâm sản phụ, như: mây, hèo..., về lâu dài nghiên cứu các loài cây có giá trị kinh tế cao hơn.

- Tổ chức tuyển chọn các giống phù hợp với đất đai, khí hậu; hướng dẫn các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất từ khâu làm đất, ươm giống, chăm sóc, đến thu hoạch, phát triển chăn nuôi; hướng dẫn phòng trừ dịch bệnh bằng hình thức tổ chức các câu lạc bộ khuyến nông tại bản.

- Đến năm 2015, phân đầu xây dựng 3-5 mô hình sản xuất điểm, quy mô hộ gia đình (chăn nuôi lợn rừng, chăn nuôi lợn, gà thả vườn, mô hình trồng ngô, sắn, cây ăn quả, cây phi gỗ).

3.4. Giải pháp về chính sách:

a. Hỗ trợ phát triển sản xuất:

- Ban hành các chính sách hỗ trợ: khai hoang, cải tạo đất sản xuất; giao đất, khoán bảo vệ rừng; giống cây, giống con; phân bón cho cây trồng, thức ăn cho vật nuôi;

- Tạo điều kiện và có chính sách hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn xã Hương Liên, trên địa bàn huyện Hương Khê có nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế vườn đồi tại vùng đồng bào dân tộc Chứt sinh sống và có ưu tiên sử dụng lao động là bà con dân tộc.

- Bố trí sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực chuyên môn và nhu cầu cán bộ của địa phương.

- Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ và hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi.

b. Đầu tư cơ sở hạ tầng

- Giao thông: mở mới tuyến đường bản dân tộc Rào Tre nối tiếp từ Khe Đá xuống Khe Noong, dài khoảng 2,5km; làm mới các cầu cống bản qua các trục đường nội xóm, nội thôn.

Kêu gọi, huy động nguồn vốn đầu tư nâng cấp tuyến đường nối liền ranh giới giữa huyện Hương Khê với huyện Tuyên Hóa, chiều dài tuyến khoảng 10km để nhân dân trên địa bàn xã và bà con dân bản thuận lợi trong việc đi lại giao lưu giữa đồng bào dân tộc Chứt giữa 02 tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.

- Thủy lợi: kiên cố hoá các tuyến kênh hiện có và các tuyến kênh tại vùng quy hoạch bố trí di dân dân, dài khoảng 2,6km.

- Điện: Xây dựng 01 Trạm BA và khoảng 3km đường dây 0,4KV.

- Cấp nước sinh hoạt: Sử dụng nước giếng qua xử lý và nước tự chảy từ các nguồn khe Leo Veo, Khe Thờ, Khe Cà Đáy. Đầu tư khoảng 2,5 km tuyến ống cấp II D100, khoảng 5,6km tuyến ống cấp III D50 và 04 bể chứa kết hợp bể lọc.

- Y tế, văn hoá, giáo dục: Xây dựng 01 nhà học mầm non có quy mô phù hợp đảm bảo học tập cho 30 cháu; xây dựng 01 nhà văn hoá cộng đồng và 01 sân thể thao tại khu dân cư mới Khe Noong với diện tích sử dụng khoảng 2.000m²; Đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải y tế, mua sắm các trang thiết bị đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh cho bà con thôn bản và hỗ trợ xây dựng hố xí hợp vệ sinh cho 34 hộ gia đình.

3.5. Giải pháp về nâng cao trình độ dân trí, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, truyền thống:

- Tiếp tục vận động đưa con em đến trường đúng độ tuổi; hạn chế tối đa tình trạng bỏ học; nâng cao chất lượng học tập của con em trong bản.

- Tuyên truyền, giới thiệu các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Chứt; đưa nội dung văn hóa vào giáo dục ở nhà trường; bảo tồn tiếng nói; đưa nội dung văn hóa vào các chương trình phát triển của vùng miền núi – dân tộc; hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, pháp lý để đồng bào bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc.

- Thiết lập và củng cố các tổ chức chính trị - xã hội, đề cao vai trò cán bộ cơ sở, mở rộng giao lưu với cộng đồng xung quanh. Lựa chọn, bồi dưỡng, phát triển được 01 đồng chí trưởng bản có năng lực, có tiếng nói với dân bản, để dân

bản nghe và làm theo.

3.6. Giải pháp về công tác đảm bảo sức khỏe sinh sản, duy trì nòi giống:

- Kiểm soát tốt tình trạng hôn nhân cận huyết trong bản, đặc biệt cần xây dựng sơ đồ tộc hệ để quản lý tốt hơn vấn đề này; có các biện pháp hành chính thích hợp để chấm dứt tình trạng hôn nhân cận huyết thống.

- Hỗ trợ, khuyến khích bà con dân tộc Chứt ở 2 tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình thường xuyên giao lưu, gặp gỡ, trong đó ưu tiên các đối tượng thanh niên; hỗ trợ tổ chức đám cưới cho các đôi nam nữ của 02 bản kết hôn. Hướng tới mở rộng giao lưu với các đồng bào dân tộc khác trong cả nước.

- Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cộng đồng và sức khỏe sinh sản cho dân bản.

3.7. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng công trình vệ sinh công cộng hoặc tại hộ gia đình và hướng dẫn cho bà con dân bản trong quá trình sử dụng; nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích bà con trồng rừng nhằm tăng diện tích rừng trồng phòng hộ tại các vùng đồi dốc, khe suối; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng; Hướng dẫn bà con thu gom, xử lý rác thải hữu cơ theo đúng quy trình, nhằm giảm thiểu bệnh tật và tác hại cho môi trường; tiến tới thành lập HTX môi trường theo tiêu chí nông thôn mới.

4. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn

- Tổng vốn đầu tư để thực hiện Đề án là: 34.454 triệu đồng.

Trong đó: + Vốn ngân sách: 27.652 triệu đồng.

+ Vốn tín dụng: 3.714 triệu đồng.

+ Vốn khác: 3.088 triệu đồng.

Chi tiết nội dung đầu tư

TT	Nội dung đầu tư	Kinh phí	Ghi chú
I	Xây dựng hạ tầng	26,971 tỷ đồng	
1	Đường giao thông	13,4 tỷ đồng	
2	Hệ thống thủy lợi	3,51 tỷ đồng	
3	Hệ thống điện	3,5 tỷ đồng	
4	Nước sạch sinh hoạt và thoát nước thải	1,050 tỷ đồng	
5	Trường mầm non	360 triệu đồng	
6	Nhà văn hóa cộng đồng, sân thể thao bản	1,5 tỷ đồng	
7	Y tế	811 triệu đồng	

8	Hỗ trợ làm nhà, sửa nhà, di dời nhà	2,840 tỷ đồng	
II	Phát triển sản xuất	5,472 tỷ đồng	
III	Hỗ trợ các hoạt động khác	2,011 tỷ đồng	
	Tổng cộng	34,454 tỷ đồng	

- Nguồn vốn: Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn các Chương trình MTQG (bao gồm: Chương trình giảm nghèo; Chương trình quốc gia về việc làm; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chương trình phòng chống tội phạm; chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình; chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh hiểm nghèo và HIV/AIDS; chương trình thích ứng biến đổi khí hậu; chương trình về văn hóa; chương trình về giáo dục đào tạo; chương trình 135); nguồn ngân sách tỉnh; nguồn vốn tín dụng; nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân hảo tâm và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Phân kỳ đầu tư:

+ Giai đoạn 2014-2015, cần đầu tư 13.564 triệu đồng, trong đó: nguồn ngân sách hỗ trợ 10.738 triệu đồng, vốn tín dụng 1.782 triệu đồng, vốn khác 1.044 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2016-2017, cần đầu tư 20.890 triệu đồng.

(Chi tiết như đề án kèm theo)

5. Thời gian thực hiện Đề án: Đến năm 2020.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. UBND xã Hương Liên:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả; thành lập Ban quản lý Đề án cấp xã; cử cán bộ thường xuyên bám Bản. Ban quản lý cấp xã, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, cán bộ chuyên môn để triển khai thực hiện Đề án ở xã. Hàng tuần, tháng, quý tổng hợp kết quả thực hiện đề án; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Đề án để đưa ra giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Phối hợp với UBND huyện Hương Khê, Đoàn Biên phòng Bản Giàng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung Đề án; tổ chức tiếp nhận và huy động các nguồn lực đầu tư theo đúng các quy định hiện hành.

- Làm chủ đầu tư, lập phương án sản xuất, các dự án cụ thể chi tiết chặt chẽ, tiết kiệm nhất theo kế hoạch vốn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện có hiệu quả, thiết thực.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Đề án (UBND xã chỉ đạo các tổ chức đoàn thể của xã phối hợp với UBND huyện và Đoàn Biên phòng Bản Giàng để thực hiện). Kế hoạch thực hiện bao gồm các nội dung: Kế hoạch tuyên truyền; định hướng sản xuất cho bà con dân bản (trồng lúa nước, trồng ngô, sắn; nuôi lợn, gà,...); các thành phần trực tiếp tham gia hướng dẫn bà

con các kỹ thuật canh tác, chăn nuôi và thu hoạch; đề xuất các chính sách cần hỗ trợ,... và các nội dung liên quan khác.

- Phối hợp với UBND huyện Hương Khê và các cơ quan liên quan (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường) xây dựng lộ trình cụ thể về thu hồi đất, giao đất để di giãn dân cư; hoàn thành di giãn dân cư trong quý II/2015;

- Hàng năm có tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện Hương Khê và Phòng Dân tộc – VP UBND tỉnh; Kịp thời báo cáo UBND huyện Hương Khê, Phòng Dân tộc – VP UBND tỉnh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

6.2. UBND huyện Hương Khê:

- UBND huyện Hương Khê chỉ đạo UBND xã Hương Liên tổ chức triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả; thành lập ban chỉ đạo hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện (Trưởng ban Chỉ đạo do đồng chí Lãnh đạo UBND huyện làm Trưởng ban; thành viên gồm các phòng chuyên môn của huyện, đại diện UBND xã Hương Liên và Trưởng đồn Biên phòng Bản Giàng); kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo, đốc thúc UBND xã Hương Liên và phối hợp với các cơ quan liên quan (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường) hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất cho các hộ dân theo kế hoạch di giãn dân.

- Giám sát việc thực hiện Đề án, các phương án, cơ chế chính sách và các dự án đầu tư trên địa bàn đảm bảo phát triển chung, hiệu quả và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Cử cán bộ chuyên môn có năng lực trên một số lĩnh vực như: Nông lâm nghiệp, chăn nuôi, chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản,... cùng với cán bộ chuyên môn cấp xã, cán bộ Đồn biên phòng Bản Giàng thường xuyên bám sát địa bàn trong quá trình thực hiện đề án.

- Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức Đoàn thể huyện: Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, xã hội hóa việc hỗ trợ bảo tồn và phát triển đồng bào dân tộc Chứt. Lựa chọn, đăng ký đỡ đầu triển khai thực hiện các mô hình sản xuất phù hợp với tình hình, khả năng của bà con dân bản; hướng dẫn, giúp đỡ bà con thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu.

- Ưu tiên bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện và trích ngân sách cấp huyện để triển khai thực hiện Đề án; xây dựng kế hoạch huy động các nguồn vốn, thu hút doanh nghiệp, kêu gọi các nhà hảo tâm đầu tư phát triển đồng bào dân tộc Chứt.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện có hiệu quả Đề án (chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất, chính sách đối với các hộ gia đình người kinh có nhu cầu sống xen dắm với đồng bào dân tộc Chứt; chính sách cho cán bộ kiêm nhiệm, cán bộ cắm bản,...).

- Văn phòng HĐND&UBND huyện (cơ quan Thường trực): Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn và tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

6.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hương Khê và UBND xã Hương Liên kịp thời hoàn thành các thủ tục thu hồi đất, giao đất cho bà con dân bản.

- Hướng dẫn UBND huyện Hương Khê, UBND xã Hương Liên lập phương án phát triển sản xuất, phương án di dân; chỉ đạo thực hiện phát triển sản xuất, di dân; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

6.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Đề án; hướng dẫn thủ tục đầu tư thực hiện các dự án theo quy định hiện hành.

6.5. Sở Tài chính: Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan xây dựng chính sách; tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, thanh quyết toán nguồn kinh phí.

6.6. Tỉnh Đoàn Hà Tĩnh: Phối hợp, làm việc với Tỉnh đoàn các tỉnh: Nghệ an, Quảng Bình; chỉ đạo Huyện Đoàn Hương Khê tổ chức các cuộc giao lưu giữa đồng bào dân tộc thiểu số 03 tỉnh, trao đổi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, sinh hoạt và lựa chọn các nội dung kết nghĩa.

6.7. Văn Phòng UBND tỉnh (Phòng Dân tộc):

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án của cấp xã, cấp huyện; kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn UBND huyện Hương Khê, UBND xã Hương Liên trong việc xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Chỉ đạo UBND xã Hương Liên trong việc soát xét, lựa chọn quy mô, phân kỳ đầu tư các công trình hạ tầng đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của đồng bào Dân tộc Chứt và khả năng cân đối nguồn vốn.

6.8. Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh:

- Phối hợp với UBND huyện Hương Khê chỉ đạo UBND xã Hương Liên, đồn Biên phòng Bản Giàng triển khai thực hiện Đề án;

- Chỉ đạo Đồn Biên phòng Bản Giàng tiếp tục giúp đỡ bà con thôn bản; bố trí nguồn vốn, kêu gọi các nhà hảo tâm hỗ trợ, đầu tư phát triển đồng bào Dân tộc Chứt; phát hiện những khó khăn vướng mắc, đề xuất phương án xử lý kịp thời.

6.9. Các Sở, ngành cấp tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành ưu tiên bố trí lồng ghép nguồn vốn để triển khai thực hiện Đề án; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp UBND xã Hương Liên, UBND huyện Hương Khê thực hiện có hiệu quả Đề án và phát triển đồng bào Dân tộc Chứt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giao Thông vận tải, Giáo

dục và Đào tạo; Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và xã hội, Văn hóa thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ, Công Thương; Văn phòng UBND tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng Hà Tĩnh, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh; UBND huyện Hương Khê, UBND xã Hương Liên và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

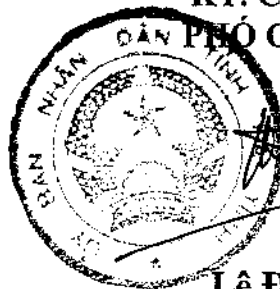
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Dân tộc;
- Website Chính Phủ;
- TT Tr Tỉnh uỷ; TT Tr HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP, các Tổ CV VP. UBND tỉnh;
- TT công báo - tin học tỉnh;
- Gửi: Bản giấy và điện tử.
- Lưu: VT, DT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

ĐỀ ÁN

**PHÁT TRIỂN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC CHỨT TẠI BẢN RÀO TRE,
XÃ HƯƠNG LIÊN, HUYỆN HƯƠNG KHÊ ĐẾN NĂM 2020**

Hà Tĩnh, tháng 8 năm 2014

ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC CHỨT TẠI BẢN RÀO TRE,
XÃ HƯƠNG LIÊN, HUYỆN HƯƠNG KHÊ ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014)

MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án.

Bản Rào Tre, xã Hương Liên, có tổng diện tích đất tự nhiên gần 40 ha, trong đó có khoảng 2,5ha đất trồng lúa và 0,5ha đất trồng màu, 37 ha đất sản xuất lâm nghiệp. Toàn bản có 34 hộ đồng bào dân tộc Chứt, với hơn 137 nhân khẩu đang sinh sống. Tập quán của đồng bào dân tộc Chứt sống du canh, du cư tại các địa bàn rẻo cao huyện Hương Khê cách đây khoảng 40 năm. Từ năm 2001, được Bộ đội Biên Phòng Hà Tĩnh phát hiện và đưa về định cư tại bản Rào Tre.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện đều quan tâm, chăm lo đời sống đồng bào dân tộc Chứt tại bản Rào Tre, với nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ đã cải thiện một phần cơ sở hạ tầng và đời sống dân sinh. Song nhìn chung đời sống của bà con dân bản vẫn còn rất nhiều khó khăn. Diện tích đất canh tác ít, lương thực sản xuất ra không đủ ăn, nên chủ yếu dựa vào trợ cấp của nhà nước; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phúc lợi xã hội yếu kém. Phần lớn đồng bào dân tộc Chứt sống dưới mức nghèo khổ (100% hộ nghèo). Cùng với đó, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc nơi đây đang ngày mai một. Hôn nhân cận huyết đang là một trong những vấn đề cần phải quan tâm; việc lập gia đình đối với thanh niên ở đây không thể tránh khỏi việc lấy người cùng dòng máu với mình và có rất nhiều trường hợp lấy nhau cùng huyết thống không quá ba đời. Người dân đang phải đối mặt với tình trạng bệnh tật, suy thoái giống nòi.

Để bảo tồn, phát triển đồng bào dân tộc Chứt tại Bản Rào Tre, cần tiếp tục quan tâm hỗ trợ, đầu tư như: Di dân dân cư, tăng diện tích sản xuất; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật canh tác, chăn nuôi...; chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống bệnh tật, giáo dục – đào tạo; đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp về nhà ở, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm hỗ trợ bà con dân bản phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống bền vững là thực sự cần thiết và hết sức cấp bách.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án.

Căn cứ Quyết định số 775/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định 52/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho

người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg ngày 15/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo;

Căn cứ Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 07 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Hương Khê đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 1404/UBND-DT ngày 8/5/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc triển khai một số nhiệm vụ phục vụ phát triển bản Rào Tre, xã Hương Liên;

Căn cứ Văn bản số 649/UBND-VP ngày 12/6/2013 của UBND huyện Hương Khê về việc xây dựng đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt, bản Rào Tre, xã Hương Liên;

III. Mục đích, yêu cầu:

1. *Mục đích:* Nhằm tiếp tục phát triển và bảo tồn đồng bào dân tộc Chứt, phát huy truyền thống bản sắc riêng của dân tộc thiểu số tại Bản Rào Tre, xã Hương Liên; Giúp bà con dân bản thay đổi phong tục, tập quán lạc hậu, thói quen lười biếng trong lao động sản xuất; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và gia đình cũng như cộng đồng, đẩy mạnh phát triển sản xuất; góp phần xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

2. *Yêu cầu:* Việc xây dựng Đề án phải bám sát thực trạng, tình hình thực tế đời sống của đồng bào dân tộc Chứt, đảm bảo tính khả thi; huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia thực hiện đề án; gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo cho sự thay đổi cơ bản và phát triển bền vững.

IV. Phạm vi, đối tượng:

- a. Phạm vi: Xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- b. Đối tượng: Đồng bào dân tộc Chứt, bản rào tre, xã Hương Liên.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI BẢN RÀO TRE

I. Đặc điểm chung:

Hương Liên là một xã miền núi nằm phía Tây Nam của huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, cách trung tâm Thị trấn huyện 30 km. Phía Bắc giáp các xã Phúc Trạch; Hương Trạch; Phía Đông giáp xã Hương Hóa (huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình); Phía Tây giáp xã Hương Lâm; Phía Nam giáp xã Thanh Hóa (huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình). Địa bàn xã Hương Liên có vị trí cách biệt với các địa phương khác, địa hình phức tạp bao quanh bởi rừng núi, khó khăn trong giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội.

Toàn xã có 6 đơn vị cấp xóm 664 hộ, 2.576 khẩu (trong đó có 01 bản dân tộc Chứt 34 hộ, với 137 nhân khẩu). Trình độ dân trí không đồng đều, đời sống nhân dân chủ yếu sống dựa vào rừng, thu nhập bình quân đầu người thấp.

II. Đặc điểm riêng của bản Rào Tre (dân tộc Chứt).

1. Điều kiện địa lý, tự nhiên.

- Địa hình: Rừng núi, đồi dốc phức tạp, việc sản xuất và đi lại gặp nhiều khó khăn.

- Khí hậu: chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ bình quân hàng năm là 23⁰C; lượng mưa trung bình hàng năm trên 2.000 mm (Theo số liệu thống kê của Trạm khí tượng thủy văn huyện Hương Khê).

- Tài nguyên: Chủ yếu là đất rừng và rừng tự nhiên thứ sinh, nghèo kiệt do Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Ngàn Sâu và Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp và dịch vụ Chứt A quản lý, sử dụng.

- Về thiên tai lũ lụt: đồng bào dân tộc Chứt, Bản Rào Tre chủ yếu định cư khu vực sườn núi, đồi dốc; hàng năm, chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai, nhất là vào mùa mưa lũ, giao thông bị chia cắt, việc cứu trợ gặp nhiều khó khăn.

2. Dân số, địa bàn phân bố và đời sống:

Toàn bản có 34 hộ dân, với 137 nhân khẩu, trong đó dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 50 người; giới tính: có 71 nam và 66 nữ; độ tuổi dưới 16 tuổi là 42 người, từ 16 đến 35 tuổi là 45 người, từ 36 đến 50 tuổi có 30 người, trên 50 tuổi có 20 người.

Dân tộc Chứt sinh sống tại bản Rào Tre trên tổng diện tích khoảng 40ha, cách UBND xã Hương Liên khoảng 02 km; tại bản có 01 trạm của Đoàn biên phòng Bản giàng (575)

Tình hình đời sống của bà con dân bản được nhà nước hỗ trợ gạo, nhu yếu phẩm, gạo được cấp theo ngày để tránh tình trạng bà con đem đổi rượu và các loại hàng hóa khác không có giá trị. Hàng năm, vào dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc, UBND tỉnh và UBND huyện hỗ trợ gạo nếp, kẹo, bánh và các nhu yếu phẩm cho bà con dân bản vui Tết, đón xuân. Trong 1 năm được hỗ trợ 6 tháng gạo, mức hỗ trợ 13kg gạo/khẩu/tháng; việc sản xuất của bà con chỉ đáp ứng được 01 đến 02 tháng/năm (duy nhất sản xuất vụ xuân).

Hỗ trợ tiền điện 180.000 đồng/tháng cho 134 hộ, với số tiền 24.120.000 đồng; chi trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng năm cho 04 đối tượng (trong đó có 02 người tàn tật nặng 360.000đồng/người/tháng; 01 người tàn tật mức độ nhẹ, một người nuôi con đơn thân 180.000đồng/tháng/người).

Năm 2014, hỗ trợ sản xuất vụ xuân (Lúa nước) với số tiền 53.604.000 đồng từ nguồn vốn phát triển sản xuất, Chương trình 135.

Ngoài ra, các tổ chức Phi chính phủ, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm thông qua Hội chữ thập đỏ làm cầu nối quyên góp hỗ trợ tiền, hàng cho bà con dân bản. Hàng năm cứ đến ngày Tết lập lò, Tết nguyên đán đều được tỉnh và huyện hỗ trợ.

3. Tình hình kinh tế - xã hội Bản Rào Tre.

3.1. Điều kiện và tình hình sản xuất:

Qua kết quả điều tra, khảo sát cho thấy, nhìn chung Bà con đồng bào dân tộc nơi đây còn quen với cách kiếm sống hái lượm, khai thác lâm sản phụ như: Song mây, giang, nứa, lá nón, hoa quả để sinh sống, chưa quen với cuộc sống sản xuất nông nghiệp để tự cung tự cấp...

- Về sản xuất nông nghiệp:

+ Trồng trọt: Từ trước đến nay đồng bào dân tộc Chứt đã tham gia sản xuất nông nghiệp, như: Trồng lúa nước, trồng ngô, sắn các loại....; toàn bản có 2,5 ha lúa nước, 1,5 ha sắn. Tuy nhiên, do tập quán sản xuất du canh truyền thống, chưa dứt bỏ được những tập tục lạc hậu trong sinh hoạt, sản xuất, và tính ỷ lại trong việc hỗ trợ của Nhà nước nên năng suất sản xuất không cao, bình quân đạt 25-30 tạ/ha.

+ Chăn nuôi: Khu vực có điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tuy nhiên bà con Dân tộc chưa quan tâm đến chăn nuôi để cải thiện thu nhập. Hiện tại toàn bản có 10 con Bò, 4 con Trâu.

- Sản xuất lâm nghiệp: Toàn bản đã trồng được 34 ha rừng Keo, nhưng đến nay, chưa đem lại thu nhập thêm cho bà con.

Để hỗ trợ cho bà con phát triển sản xuất hàng năm, chính quyền xã Hương Liên ưu tiên trích nguồn vốn phát triển sản xuất của xã từ Chương trình 135 và các nguồn vốn khác để hỗ trợ giống, phân bón. Việc bà con tham gia sản xuất đều phải nhờ Bộ đội Biên phòng đốc thúc, giúp đỡ thực hiện; đến mùa vụ, Bộ đội Biên phòng Bản Giàng (Đồn 575) phải đến từng nhà để đốc thúc, chở bà con ra đến tận khu vực sản xuất; lương thực thu hoạch được hoặc do các nhà tài trợ cũng phải nhờ Bộ đội Biên phòng cất giữ và chia dần cho bà con. Trâu bò do các tổ chức, cá nhân mua tặng cũng bị đưa đi làm thịt ăn hoặc bán, đổi lấy rượu để uống. Do suy nghĩ đơn giản nên bà con thường bị kẻ xấu ở ngoài vào lợi dụng để mua rẻ các đồ đạc, vật dụng.

Từ năm 2004 đến nay, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã quan tâm, giúp đỡ; trực tiếp đốc thúc, cùng với bà con tham gia sản xuất. Nhờ vậy bà con dân bản đã từng bước làm quen với tập quán định canh, định cư; một số hộ dân đã bắt đầu có

ý thức, có hộ đã biết rào vườn để trồng ngô; làm chuồng để nuôi bò; biết lên rừng kiếm củi, kiếm gỗ để bán,....

Tuy vậy, do diện tích canh tác còn ít, bà con không tự giác tham gia sản xuất, cũng như chưa biết cất giữ lương thực để phục vụ cho cuộc sống của mình, nên cuộc sống của bà con hiện vẫn phải phụ thuộc vào sự trợ cấp của nhà nước.

3.2. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

a. *Giao thông*: các tuyến đường huyện lộ và liên xã còn có hai tuyến đường đất rất khó đi. Tuyến đường trục xã chưa hoàn thiện, mặt đường nhỏ hẹp. Các tuyến trục xóm bê tông hóa được trên 70 % nhưng mặt đường còn hẹp, chưa đạt yêu cầu. Tuyến đường dọc theo bản đã được xây dựng lâu năm đã xuống cấp nghiêm trọng, nhưng chưa được nâng cấp, sửa chữa, phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất của bà con dân bản nói riêng và nhân dân trên địa bàn nói chung.

b. *Thủy lợi*: Bản Rào Tre có Đập ông Lâm xây dựng năm 2011, cơ bản đáp ứng nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp hiện có của vùng đồng bào dân tộc sinh sống. Kênh mương chính đã được đầu tư cứng hóa từ năm 2011; các tuyến mương nâng cấp 2, tuyến mương nhánh cũng đã được cứng hóa đạt yêu cầu.

c. *Điện*: Trên địa bàn xã có tổng số 03 trạm biến áp, tổng công suất 330 KVA, đáp ứng đủ nhu cầu hiện tại của nhân dân. Trong đó, có Trạm 75 KV - 35/0,4 KVA tại xóm 8 cung cấp điện cho xóm 8 và Bản Rào Tre. Đến nay, 100% số hộ đã được sử dụng điện. Tuy vậy, hệ thống trạm và đường dây chưa đạt yêu cầu cấp điện ổn định và an toàn cho Bản.

d. *Cấp nước sinh hoạt*: UBND tỉnh đã hỗ trợ xây dựng 04 bể chứa nước sinh hoạt từ năm 2011. Nguồn nước được lấy từ các khe: Khe Leo Veo, Khe Thờ và Khe Cả Đay. Bình quân 4-5 hộ bố trí 01 bể chứa nước với dung tích từ 5-10m³. Đến nay, 100% số hộ có đủ nước sinh hoạt, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho các hộ dân.

e. *Trường học*: Hiện chưa có lớp mầm non mở riêng cho con em đồng bào dân tộc Chứt. Lớp học độc lập của bản dân tộc đang học nhờ tại hội quán xóm 8. Các cấp học khác theo học các trường trên địa bàn xã và xã Hương Lâm

e. *Cơ sở vật chất thể thao, văn hoá*: Hiện chưa có nhà văn hóa cộng đồng và khu thể thao. Việc tổ chức sinh hoạt cho bà con dân bản từ trước đến nay đang sử dụng khuôn viên của Đồn Biên Phòng Bản Giàng.

3.3. Tình hình thu nhập và đời sống.

- Lương thực bình quân đầu người: 160 kg/người/năm (chủ yếu do trợ cấp)
- Thu nhập bình quân đầu người: 2.250.000đồng/người/năm và thu nhập bình quân đầu người/tháng: 187.500đồng
- Số hộ đói, hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 34 hộ, chiếm 100%.
- Tình trạng nhà ở của đồng bào: + Bán kiên cố: 29 nhà, chiếm 85,2%
+ Nhà tạm: 05 nhà, chiếm 14,7%

Nhà ở của đồng bào dân tộc Chứt chủ yếu là nhà sàn bằng gỗ, có diện tích hẹp (khoảng 20 – 25 m²). Nhà ở đơn giản, cơ bản giống nhau, tính kiên cố không cao; do chính quyền địa phương, bộ đội Biên phòng hỗ trợ xây dựng từ lâu, nên hiện nhà ở của bà con đã xuống cấp, nhiều mái ngói đã hư hỏng, tường gỗ bị mục do ẩm thấp, nguy cơ thiếu an toàn do thiên tai là rất lớn.

3.4. Về giáo dục:

- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 16 - 35: 62%
- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi lao động: 65%
- Tỷ lệ người biết tiếng phổ thông trong độ tuổi lao động: 100%
- Số học sinh các cấp và tỷ lệ học sinh đi học các cấp: Tổng số toàn Bản có 71em trong độ tuổi đi học (kể cả cấp học mầm non); trong đó:
 - + Cấp học mầm non: có 17 cháu/17 cháu;
 - + Cấp học tiểu học: có 13em/13 em;
 - + Cấp học THCS: có 17 em/17 em;
 - + Cấp học THPT: có 7/24 em;

Việc học tập của con em bà con dân bản ở các cấp học đã được chính quyền xã và Trạm Biên phòng quan tâm, vận động bà con đưa con em đến trường đúng độ tuổi. 100% trẻ được đi học các cấp, tuy nhiên chưa có chất lượng, hầu hết các trẻ học yếu hơn so với mặt bằng chung; ý thức học tập chuyên cần chưa cao; càng lên lớp cao tỷ lệ trẻ em người Chứt bỏ học nhiều hơn. Đa phần người lớn của đồng bào dân tộc Chứt đã được học ở các lớp xóa mù chữ, tuy nhiên nguy cơ tái mù chữ là rất cao, ngay cả đồng chí trưởng thôn khả năng viết tiếng phổ thông cũng hạn chế.

Hiện Bản có lớp học mầm non học tại Hội quán xóm 8, của xã; còn các cấp học khác theo học tập trung với các trường của người kinh trên địa bàn xã.

3.5. Về y tế và chất lượng dân số.

- Diễn biến dân số qua các năm: Năm 2005 dân số toàn bản là 85 người; năm 2010 là 131 người và đến năm 2012 tổng dân số toàn bản là 135 người; đến nay là 137 người.
- Quy mô trung bình hộ gia đình: 4,0 người/hộ
- Tỷ lệ sinh, tỷ lệ chết và tỷ lệ tăng dân số:
 - + Tỷ suất sinh thô: 12,7%
 - + Tỷ lệ chết 4,2/‰
 - + Tỷ lệ tăng dân số 1,65/‰
- Tuổi thọ trung bình (nam và nữ): 50 tuổi
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng: 80%

Toàn bản có 9 gia đình có hồ xí, trong đó có 03 hồ xí 2 ngăn; không có hồ xí nào đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định.

Thời gian qua, do làm tốt công tác tuyên truyền, cán bộ y tế thôn bản được tăng cường, đặc biệt tại Bản Rào Tre có Trạm quân dân y kết hợp do Bộ đội Biên phòng tỉnh và các tổ chức, cá nhân đóng góp đầu tư xây dựng mới đưa vào sử dụng cuối năm 2012 nên chất lượng khám chữa bệnh tại Bản Rào Tre đã có nhiều kết quả nhất định. Tại Trạm đã thực hiện việc khám bệnh, phát thuốc miễn phí. Do vậy, những tập tục lạc hậu còn duy trì đối với phụ nữ mang thai, sinh đẻ và trẻ sơ sinh đã được xóa bỏ; 100% số trẻ được tiêm chủng, hầu hết các sản phụ đều được khám thai định kỳ.

Hôn nhân cận huyết đang là một trong những vấn đề "nhức nhối" nhất của đồng bào dân tộc Chứt. Người trong bản dù gần, dù xa cũng đều có huyết thống với nhau nên việc lập gia đình đối với thanh niên ở đây không thể tránh khỏi việc lấy người cùng dòng máu với mình và có rất nhiều trường hợp lấy nhau cùng huyết thống không quá ba đời. Bản cũng đã xuất hiện những đứa trẻ không bình thường do hậu quả của hôn nhân cận huyết. Người dân nơi đây đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm sức khỏe, bệnh tật, suy thoái giống nòi ...

Do trình độ dân trí thấp, ý thức ý lại cao, nên hầu hết các vấn đề liên quan như khám chữa bệnh, nhập viện của các sản phụ, đề xuất các chính sách hỗ trợ khi cần thiết bà con đều dựa vào chính quyền xã và Bộ đội Biên phòng.

3.6. Về văn hóa, tín ngưỡng.

- Mức độ thụ hưởng văn hoá, văn nghệ, tiếp cận thông tin, báo chí: đã có các chính sách hỗ trợ tiếp cận các loại báo chí như: báo dân tộc thiểu số, miền núi và một số các loại báo giấy khác đã được quan tâm. Tuy vậy, do trình độ dân trí, việc đọc, viết của đồng bào dân tộc nơi đây gặp rất nhiều khó khăn.

- Việc duy trì tiếng nói, trang phục, phong tục tập quán dân tộc: Các phong tục tập quán tốt đẹp, trang phục và tiếng nói được duy trì.

- Các lễ hội truyền thống và việc duy trì các lễ hội: Do đời sống các hộ đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, mặt khác số lượng hộ không nhiều nên các ngày lễ hội của đồng bào chủ yếu được thực hiện ở một số hộ nhằm tưởng nhớ đến công ơn của dòng tộc, thần linh như: Tết lập lổ theo tập tục sau khi bà con hoàn thành việc sản xuất nương rẫy được tổ chức vào ngày 07/7 âm lịch hàng năm.

- Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc: Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã thường xuyên quan tâm nhằm bảo tồn và phát huy tốt bản sắc của đồng bào dân tộc Chứt.

3.7. Về an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và an ninh chính trị cơ sở cơ bản ổn định; các vụ việc phát sinh được chủ động giải quyết kịp thời.

- Tệ nạn xã hội: Bản không có người nghiện hút, tệ nạn phổ biến mà dân bản mắc phải là nghiện rượu.

- Không xảy ra các hiện tượng tranh chấp đất đai, buôn bán phụ nữ và trẻ em,...

3.8. Về quan hệ trong nội bộ bản dân tộc và với các dân tộc khác.

- Về quan hệ nội bộ, bà con dân bản khá gắn bó, đoàn kết, nhất là trong những dịp lễ hội hoặc các sự kiện diễn ra tại bản. Giữa các hộ gia đình trong bản hầu như không có mâu thuẫn, khúc mắc lớn.

Bà con Bản Rào Tre cũng có mối liên hệ với một bộ phận dân tộc Chứt sống tại xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa của tỉnh Quảng Bình; cũng đã từng có hôn nhân giữa 2 bên. Tuy nhiên, do điều kiện đi lại rất khó khăn cộng với mâu thuẫn giữa một số thanh niên của 2 bản nên mối liên hệ này không được diễn ra thường xuyên (kể từ năm 2008).

- Về quan hệ với dân tộc khác: Tại bản có Tổ công tác Bộ đội biên phòng cắm bản từ hàng chục năm nay để hướng dẫn bà con làm quen với cuộc sống định canh định cư, sản xuất lương thực và một số cán bộ xã Hương Liên là thường xuyên tiếp xúc với bà con. Ngoài ra, giữa bà con dân tộc Chứt với người Kinh có giao lưu qua việc mua bán các mặt hàng lâm sản phụ, vật dụng sinh hoạt gia đình và trao đổi hàng hóa khác.

Nhìn chung, do vị trí địa lý, tập quán và điều kiện giao tiếp hạn chế nên bà con dân bản vẫn ngại chủ động tiếp xúc với người Kinh.

3.9. Về triển khai thực hiện một số chính sách trong thời gian qua:

a. Hỗ trợ đời sống: Trong năm 2010, UBND huyện đã hỗ trợ 6.500kg gạo cho 34 hộ và 40 triệu đồng. Xây nhà ở cho các hộ thuộc nguồn vốn hỗ trợ của Ngân hàng Tecombank và theo Quyết định 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với kinh phí 292,8 triệu đồng, làm mới 4 nhà, sửa chữa 12 nhà; hỗ trợ 400kg giống lúa thuần phục vụ sản xuất Đông Xuân 2010 - 2011... Trong dịp Tết nguyên đán vừa qua, UBND tỉnh đã hỗ trợ gạo nếp, thịt lợn, mì chính, bánh kẹo, số tiền tương đương 13 triệu đồng.

b. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng: UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng đập Ông Lâm và nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước sinh hoạt tại bản, với kinh phí 5.000 triệu đồng; trong đó

+ Xây dựng Đập dâng ông Lâm nơi cung cấp nguồn nước chính phục vụ sản xuất cho trên 2,5ha lúa, kinh phí đầu tư làm mới, nâng cấp 4.500 triệu đồng.

+ Nâng cấp, cải tạo công trình cung cấp nước sạch: Kinh phí được cấp 500 triệu đồng.

4. Thuận lợi, khó khăn.

a. Thuận lợi.

- Được sự quan tâm của Trung ương, của tỉnh, của huyện và của các cá nhân, tổ chức, các nhà hảo tâm;

- Đồng bào dân tộc Chứt, Bản rào tre chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương; sống hòa hợp, không có xung đột sắc tộc xảy ra.

b. Khó khăn.

- Do vị trí địa lý và địa hình không thuận lợi, giao lưu của bản Rào Tre và xã Hương Liên với các địa phương khác là rất hạn chế, nhất là thanh niên trong độ tuổi xây dựng gia đình không thể đến các địa phương hay dân tộc khác tìm

hiều. Do đó hôn nhân cận huyết vẫn diễn ra, làm ảnh hưởng đến chất lượng nòi giống, về lâu dài nếu không có giải pháp khắc phục, sẽ có nguy cơ dẫn đến diệt vong.

- Trình độ dân trí thấp, đa số hộ dân sản xuất theo hình thức quảng canh, tự cung tự cấp, chưa có khả năng sản xuất thâm canh và sản xuất theo hướng hàng hóa. Lao động làm trong các ngành nghề chủ yếu là lao động thủ công, chưa được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật.

- Phong tục, tập quán, lối sống lạc hậu chưa có ý thức tự vươn lên trong hoạt động sản xuất cũng như đời sống ... còn rất yếu kém, còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước và các nhà tài trợ.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KT - XH BẢN RÀO TRE ĐẾN NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU:

1.1. Quan điểm:

Bảo tồn, phát triển đồng bào dân tộc Chứt, Bản rào tre dựa trên cơ sở sự tự vươn lên của chính bản thân bà con dân bản cùng với sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhà nước và toàn xã hội, với phương châm “Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển”.

1.2. Mục tiêu:

a. Mục tiêu tổng quát.

Nhằm bảo tồn và tiếp tục phát triển đồng bào dân tộc Chứt, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, từng bước xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững; tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển giáo dục, nâng cao trình độ dân trí và chất lượng dân số; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, giảm sự chênh lệch về khoảng cách phát triển với trong vùng và trên địa bàn, gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đến năm 2020, kết cấu hạ tầng phát triển ngang bằng với thôn, bản các dân tộc khác trên cùng địa bàn; giảm thiểu các tác động từ thiên nhiên.

b. Mục tiêu cụ thể.

** Đến năm 2015:*

- Hoàn thành quy hoạch bố trí đất ở di dân dân và đất sản xuất nông nghiệp.

- Bản có nhà sinh hoạt cộng đồng và khu sinh hoạt văn hóa - thể thao.

- 100% hộ gia đình có nhà ở ổn định; 80% dân số được sử dụng nước sạch sinh hoạt; 60% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh; 100% hộ gia đình dùng điện lưới quốc gia ổn định.

- 100% con em trong độ tuổi đi học được đến trường; 100% học sinh THCS và THPT được đến học tại Trường Dân tộc nội trú của Huyện; cơ bản các hộ gia đình tiếp cận với truyền thanh, truyền hình.

- Duy trì, phát triển các phong tục, tập quán đặc trưng của dân tộc Chứt.

- Đảm bảo sức khỏe sinh sản, an toàn nòi giống; giải quyết dứt điểm một số bệnh truyền nhiễm như sốt rét, lao.

** Đến năm 2020.*

- 100% hộ gia đình kinh tế vườn hộ, bình quân mỗi hộ có 1,0-2,0 ha đất lâm nghiệp để sản xuất kinh doanh, có chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm;

- Dân bản tự tổ chức sản xuất và tự túc được lương thực.

- Tỷ lệ hộ nghèo phần đầu giảm xuống bằng mức bình quân chung của tỉnh;

- 100% dân số được sử dụng nước sạch sinh hoạt; 100% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống (điện, đường, trường học, trạm y tế, thủy lợi,...);

- Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 10%.

- Chi bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP.

1. Nhiệm vụ:

- Thay đổi được tư duy, nhận thức, ý thức hệ và nâng cao kỹ năng sống của bà con dân bản; tạo cho bà con có khả năng sản xuất, tiến tới chủ động trong sản xuất và chủ động về mọi mặt của cuộc sống.

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho di dân dân; quy hoạch đất để phát triển sản xuất nông nghiệp; đảm bảo nhà ở ổn định, bền vững cho 34 hộ dân, với 137 nhân khẩu tại bản; đồng thời có định hướng quy hoạch cho việc tăng quy mô dân số của bản bằng cách vận động để xen dắm các hộ dân kinh đến sinh sống cùng với đồng bào dân tộc.

- Bảo tồn, tôn tạo phát huy các giá trị truyền thống của đồng bào dân tộc Chứt; cải thiện tình trạng hôn nhân cận huyết; nâng cao trình độ dân trí và đảm bảo sức khỏe, sinh sản cho bà con dân bản.

2. Giải pháp chung.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, vận động, làm cho bà con dân bản hiểu, nhận thức được để thay đổi tư duy từ trông chờ, ý lại sang chủ động trong đời sống và sản xuất, tiến tới tự túc, ổn định cuộc sống. Vận động nhân dân trên địa bàn xã nói chung và các xóm sống gần bà con đồng bào dân tộc Chứt chủ động giúp đỡ bà con, không kỳ thị, giúp bà con dân tộc Chứt hòa nhập với đồng bào kinh.

- Hoàn thành việc bố trí đất ở, đất sản xuất cho bà con dân bản; lựa chọn thu hút các hộ dân tộc kinh (nhất là các hộ đoàn viên thanh niên) có nhu cầu phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi đến sinh sống cùng bà con dân tộc Chứt;

- Lựa chọn một số loại cây, con phù hợp; tổ chức hướng dẫn bà con trồng trọt, chăn nuôi. Xây dựng được các mô hình phát triển kinh tế trang trại quy mô vừa để vừa thu hút lao động là bà con dân bản, vừa làm gương cho bà con dân bản noi theo.

- Tăng cường thu hút và xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn phát triển sản xuất. Tập trung các nguồn lực để đến năm 2015 cơ bản hoàn thành các công trình hạ tầng thiết yếu cũng như hạ tầng di dân dân cư. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác; đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân đóng góp công lao động, vật liệu địa phương để tham gia xây dựng.

- Tăng cường thực hiện các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục đối với bà con dân tộc, góp phần nâng cao chất lượng dân số; tiến tới lựa chọn một số ngành nghề phù hợp để hướng đến đào tạo con em dân bản.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc cấp cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể. Thực hiện chính sách bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trong địa phương, phối hợp với Bộ đội Biên phòng (Đồn Biên phòng Bản Giàng) để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của nhà nước cho đồng bào Dân tộc Chứt.

3. Một số giải pháp cụ thể.

3.1. Giải pháp về thông tin tuyên truyền:

Đồng bào dân tộc Chứt, bản rào tre từ bao đời nay quen sống du canh, du cư; dụng cụ sản xuất thô sơ, đời sống chủ yếu dựa vào trợ cấp của nhà nước và khai thác lâm sản, săn bắt, hái lượm; sản xuất nông lâm nghiệp dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của lực lượng bộ đội biên phòng Bản giàng, do đó giải pháp tuyên truyền, nâng cao trình độ dân trí cho bà con dân bản nơi đây có ý nghĩa hết sức quan trọng, và cấp bách, cụ thể:

- *Thứ nhất*, Song song với việc quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; tuyên truyền, giải thích cho bà con biết là các chính sách hỗ trợ chỉ là thứ yếu, sự tự vươn lên của chính mỗi người dân bản mới là cốt yếu để đem lại cuộc sống ổn định sự ấm no, hạnh phúc cho họ; phát huy tính tự chủ, tự lực, tự cường, hăng say lao động sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chủ động vươn lên thoát nghèo, từng bước đưa bà con dân bản hòa nhập chung với cộng đồng người kinh trên địa bàn.

- *Thứ hai*, Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật kết hợp lồng ghép trực quan sinh động, sân khấu hóa. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, nhất là đối với các hoạt động giao lưu, trao đổi thông tin giữa bà con dân tộc thiểu số với nhau, với đồng bào dân tộc kinh...từng bước làm thay đổi ý thức hệ, thói quen cổ hủ, lạc hậu, lười biếng đã ăn sâu vào tiềm thức của bà con dân bản nơi đây.

- *Thứ ba*, Cử cán bộ báo cáo viên, tuyên truyền viên am hiểu pháp luật, có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có kỹ năng truyền đạt,

am hiểu kiến thức xã hội, am hiểu tâm lý, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc, của giới, trực tiếp tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ đồng bào dân tộc Chứt.

- Thứ tư, Phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể gắn với các nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm tránh sự trùng lặp. Đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, lựa chọn hình thức cung cấp thông tin giúp cho đồng bào dân tộc dễ nghe, dễ nhớ, dễ hiểu khi tiếp cận với các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kiến thức về giới, bình đẳng giới, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Thứ năm, tổ chức cho bà con đi tham quan, học tập tại các bản khác trên địa bàn tỉnh hoặc các tỉnh lân cận; giúp bà con dân bản kết nghĩa đối với các bản dân tộc trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận nhằm giúp bà con hòa nhập, vận động bà con xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, thực hiện tốt chính sách đoàn kết dân tộc, gắn với xây dựng nông thôn mới.

3.2. Giải pháp về đất đai.

Do ở vị trí hiện tại của bản không đủ đất ở (kể cả đất vườn) cũng như đất canh tác, nên xem xét đề xuất phương án giãn dân cư, cụ thể dự kiến chuyển khoảng 1/2 số hộ dân trong bản đến định cư tại khu vực Khe Cỏ, cách nơi ở hiện tại khoảng 2,5km.

Cất chuyển khoảng 80 ha rừng và đất lâm nghiệp tại Tiểu Khu 265=20ha (khoảng 6=10ha, khoảng 8=10 ha); khoảng 4 Tiểu Khu 270=60 ha từ Ban quản lý rừng phòng hộ sông Ngàn Sâu để giao cho các hộ dân tộc sẽ di dân dân. Trong đó, diện tích dùng cho đất ở và đất vườn khoảng 2,2ha/20 hộ (bình quân 1.100m²/hộ); diện tích đất canh tác nông nghiệp 10 ha/20 hộ (bình quân 0,5ha/hộ); diện tích đất lâm nghiệp để trồng rừng, cây ăn quả 70ha/20hộ (mỗi hộ 3-4ha).

3.3. Giải pháp về nhà ở

Do không đủ đất ở và canh tác nên dự kiến chuyển khoảng 1/2 số hộ dân trong bản đến định cư tại khu vực đồng Khe Cỏ cách nơi ở cũ khoảng 2,5 km.

Định hướng phân bố dân cư tại khu ở mới.

*** Các chỉ tiêu quy hoạch:**

- Các khu vực xây dựng nhà ở nông thôn:

+ Diện tích đất ở: $\leq 400 \text{ m}^2/\text{hộ}$.

+ Diện tích đất vườn liền kề đất ở: $\leq 700 \text{ m}^2/\text{hộ}$.

+ Mật độ xây dựng (tính cho đất ở): từ 20% đến 50%.

+ Tầng cao: ≤ 3 tầng.

+ Mật độ cây xanh trong hàng rào: $\geq 25\%$.

*** Xác định định mức cấp đất ở mới.**

- Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 10/4/2006 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định hạn mức giao đất ở.

- Căn cứ điều kiện quỹ đất thực tế của xã, từ đó xác định mức giao đất cho các hộ có nhu cầu đất ở mới là: đất ở $400 \text{ m}^2/\text{hộ}$, đất vườn $700 \text{ m}^2/\text{hộ}$.

*** Quy hoạch cấp đất ở mới.**

Định mức đất ở + đất vườn: $1.100 \text{ m}^2/\text{hộ}$. Dự kiến bố trí 4,0 ha đất trong khu vực từ Khe Chè đến Khe Noong làm đất ở để bố trí tách khoảng 20 hộ của bản. Định hướng tổ chức chỉnh trang các khu dân cư như sau:

a. Đối với nhà ở hiện có.

Giữ nguyên quy mô hộ trong bản; Bố trí sắp xếp nhà ở, các công trình phụ trợ hợp lý đảm bảo thuận tiện trong sinh hoạt, sản xuất và vệ sinh môi trường. Đặc biệt chú ý hệ thống thoát nước của hộ gia đình phải đảm bảo đầu nối với hệ thống thoát nước trong khu dân cư được xây dựng cùng hệ thống giao thông; hệ thống nhà vệ sinh, chuồng trại phải cách ly khu ở và giếng nước (trong khi chưa triển khai hệ thống nước sạch) và dùng các biện pháp xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trong khi chờ đầu tư cơ sở hạ tầng nơi ở mới thì vẫn cần phải chỉnh trang lại nhà ở hiện có tại bản. Hiện ở bản cần hỗ trợ tu sửa 20 nhà và làm mới 4 nhà (nhà thiết kế kiểu nhà sàn); mức kinh phí đề nghị hỗ trợ như sau:

- Nhà làm mới: 04 nhà x 100 triệu đồng = 400 triệu đồng.
- Nhà tu sửa: 20 nhà x 30 triệu đồng = 600 triệu đồng.
- Số còn lại cho nâng cấp, sửa chữa, gia cố đảm bảo ổn định cho bà con.

b. Đối với vùng dự kiến di giãn dân.

Quản lý xây dựng theo chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng. Kiến trúc nhà phải phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc (kiểu nhà sàn), điều kiện và các nguyên vật liệu hiện có tại địa phương.

*** Dự kiến kinh phí hỗ trợ di chuyển, giãn dân cùng với xen dắm dân cư dân tộc kinh cùng sống chung với dân tộc Chứt**

- Di dân dân cư đồng bào dân tộc và một số hộ gia đình dân tộc kinh vào nơi ở mới khoảng 35 – 40 hộ (trong đó 17 hộ đồng bào dân tộc Chứt và 18-23 hộ đồng bào dân tộc kinh theo hướng tách hộ).

- Hỗ trợ tháo dỡ, lắp dựng lại nhà cửa: 17 hộ x 20 triệu đồng = 340 triệu đồng.

- Xây dựng mới 11 nhà: 11×100 triệu đồng = 1.100 triệu đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, sinh hoạt: 17 hộ x 10 triệu đồng = 170 triệu đồng.

- Hỗ trợ cải tạo đất trước mắt phục vụ sản xuất khoảng 4,0 ha x 100 triệu đồng = 400 triệu đồng.

3.4. Giải pháp về phát triển sản xuất.

- Sản xuất nông nghiệp:

+ Lập phương án giao ruộng đến từng hộ, khoảng $5.000 \text{ m}^2/\text{hộ}$, trong đó sản xuất lúa nước 3.000 m^2 , đậu, lạc, khoai sắn các loại... khoảng 2.000 m^2 .

+ Đến năm 2015, phân đầu xây dựng 3-5 mô hình trình diễn về sản xuất nông nghiệp (5 hộ/01 mô hình) để bà con học tập, làm theo.

Đến mùa vụ, UBND xã phải cùng với các tổ chức đoàn thể trong xã như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân xã phối hợp với Đoàn Biên phòng Bản Giàng trực tiếp xuống ruộng hoặc đến tận nhà hướng dẫn bà con dân bản.

- Chăn nuôi: Ở đây có lợi thế về chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đối với trâu, bò phải làm chuồng, kết hợp với việc chăn thả; đối với lợn phải làm chuồng nuôi nhốt để đảm bảo vệ sinh, trước mắt dự án hỗ trợ cho mỗi hộ 1 bò, 2 con lợn làm giống và hướng dẫn bà con phát triển đàn gia cầm (gà vịt, ngan).

- Lâm nghiệp: Giao đất, gần với giao rừng cho bà con phát triển sản xuất. Trước mắt với quỹ đất, rừng hiện có bố trí trồng rừng nguyên liệu (Keo) kết hợp với trồng lâm sản phụ, như: mây, hèo.... Về lâu dài nghiên cứu các loài cây có giá trị cao kinh tế cao hơn.

Đến năm 2015, phân đầu xây dựng 3-5 mô hình sản xuất điểm, quy mô hộ gia đình (chăn nuôi lợn rừng, chăn nuôi lợn, gà thả vườn, mô hình trồng ngô, sắn, cây ăn quả, cây phi gỗ).

- Tập huấn, hướng dẫn các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất: thường xuyên cử cán bộ chuyên môn cấp huyện (*phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trung tâm ứng dụng khoa học bảo vệ cây trồng và vật nuôi*) cùng với cán bộ xã, cán bộ bản, Bộ đội Biên phòng Bản Giàng trực tiếp hướng dẫn bà con trong sản xuất, từ khâu làm đất, ương giống, chăm sóc, đến thu hoạch, phát triển chăn nuôi. Hàng tuần cán bộ chuyên môn cấp xã cùng với cán bộ bản trực tiếp giúp bà con trong sản xuất.

- Tổ chức tuyển chọn các giống phù hợp với đất đai, khí hậu nơi đây; tư vấn, hướng dẫn phòng trừ dịch bệnh bằng hình thức tổ chức các câu lạc bộ khuyến nông tại bản.

Trước mắt, tại bản cần 1-2 cán bộ khuyến nông, khuyến lâm bản (cán bộ bản chuyên trách của xã) phối hợp với Bộ đội Biên phòng Bản giàng để hướng dẫn bà con kỹ thuật canh tác cơ bản.

3.5. Giải pháp về chính sách:

a. Chính sách phát triển sản xuất

- Ban hành chính sách riêng hỗ trợ đồng bào Dân tộc Chứt về các nội dung:

+ Hỗ trợ khai hoang, cải tạo đất sản xuất; hỗ trợ giao đất, khoán bảo vệ rừng.

+ Hỗ trợ giống cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày; giống các loại gia súc, gia cầm. Hỗ trợ phân bón cho cây trồng, thức ăn cho vật nuôi;

+ Hỗ trợ để xây dựng được 3-5 mô hình phát triển sản xuất (kể cả người kinh tham gia sống xen dắm với đồng bào dân tộc) về chăn nuôi, trồng trọt hoặc làm các đồ thủ công từ song, mây,... Hỗ trợ từ con giống đến tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, bảo quản sau thu hoạch.

- Tạo điều kiện và có chính sách hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn xã Hương Liên, trên địa bàn huyện

Hương Khê có nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế vườn đồi tại vùng đồng bào dân tộc Chứt sinh sống và có ưu tiên sử dụng lao động là bà con dân tộc.

- Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ và hướng dẫn kỹ thuật cho bà con dân bản:

+ Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ cấp xã và các đoàn viên tiêu biểu trong xã các ngành chuyên môn kỹ thuật về nông lâm nghiệp, chăn nuôi, thú y để họ hướng dẫn lại cho bà con dân bản.

+ Hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho bà con dân bản trên các lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp và chăn nuôi, tiến tới hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật lĩnh vực cơ khí..

- Bố trí sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực chuyên môn và nhu cầu cán bộ của địa phương: Xem xét, bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác dân tộc (cán bộ cắm bản).

Thời gian đầu bố trí cán bộ có kỹ thuật (UBND huyện chịu trách nhiệm cử cán bộ có chuyên môn phù hợp) cùng với đoàn thanh niên của huyện, UBND xã Hương Liên và Bộ đội Biên phòng Bản Giàng trực tiếp hướng dẫn cán bộ xã, bà con dân bản kỹ thuật canh tác và kỹ thuật chăn nuôi.

b. Đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Giao thông:

+ Nâng cấp tuyến đường nối liền ranh giới giữa huyện Hương Khê với huyện Tuyên Hóa, chiều dài tuyến khoảng 10km để nhân dân trên địa bàn xã và bà con dân bản thuận lợi trong việc đi lại giao lưu giữa đồng bào dân tộc 02 tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.

+ Mở mới tuyến đường bản Dân tộc Rào Tre nối tiếp từ Khe Đá xuống Khe Noong nền rộng 6,5m (mặt 3,5m), dài 2,5 km làm bằng bê tông (đường nối từ bản hiện tại đến vị trí dự kiến giãn dân). Kinh phí dự kiến: 2,5km x 5tỷ/km = 12,5 tỷ đồng.

Đối với các tuyến đường bờ vùng, bờ thửa bằng đất cấp phối hoặc rải đá dăm nhà nước hỗ trợ kinh phí để người dân tự làm.

+ Làm mới các cầu, cống bản qua các trục đường nội bản, chiều dài 18 m đạt chuẩn. Kinh phí dự kiến: 18m x 50 triệu đồng = 900 triệu đồng.

- Hệ thống thủy lợi:

Nâng cấp, cải tạo, cứng hóa các tuyến kênh hiện tại vẫn là nương đất. Đồng thời cứng hóa các tuyến kênh tại khu vực đồng dự kiến giãn dân.

Tổng chiều dài các tuyến kênh dự kiến là 2,6km. Kinh phí dự kiến: 2,6km x 1,35 tỷ đồng = 3,51 tỷ đồng.

- Hệ thống điện: Xây dựng 01 Trạm Biến áp và cải tạo nâng cấp 3,5 km đường dây điện hạ thế; sửa chữa cột điện các xóm theo đúng quy định về chất lượng và an toàn của ngành điện. Kinh phí dự kiến khoảng: 3,5 tỷ đồng.

- Cấp nước sinh hoạt:

Tiêu chuẩn nước sinh hoạt cho điểm dân cư nông thôn từ 60 - 80 lít/ người ngày đêm trong giai đoạn 2010-2020. Tỷ lệ được sử dụng nước sạch 80% trong giai đoạn đầu và trên 90% trong giai đoạn sau.

Qua tính toán, nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất của Hương Liên trong giai đoạn 2015 - 2020 lần lượt là 181,6 (m³/ng.đ) và 295,7 (m³/ng.đ).

Đầu tư 04 bể chứa kết hợp bể lọc và hệ thống tuyến ống cấp nước để cấp nước phục vụ các hộ dân tại vùng di dân dân, cụ thể:

+ Bể lọc, chứa kết hợp: 4 Bể x 30 m³.

+ Tuyến ống cấp II D100 nối sang điểm dân cư mới: 2,5 km.

+ Tuyến ống cấp III D50 cho nội bộ điểm dân cư mới: 5,6 km.

Kinh phí dự kiến: 550 triệu đồng, trong đó:

+ Tuyến ống: 2,5x 54 triệu đồng + 5,6x48 triệu đồng = 408,3 triệu đồng.

+ Bể chứa: 5x1,5x0,02 = 150 triệu đồng

- Quy hoạch thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân và các công trình công cộng được đưa về hệ thống xử lý cục bộ bằng các hố xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên tại các ao, hồ trong hộ gia đình sau đó chảy ra hệ thống thoát nước mặt chung toàn xã được thiết kế đồng bộ với hệ thống đường giao thông. Nước thải đổ ra hệ thống sông Ngàn Sâu. Đối với các khu vực có thành phần nước chảy phức tạp như khu tiểu thủ công nghiệp, khu chăn nuôi cần có giải pháp xử lý riêng.

- Trường mầm non: Hỗ trợ đầu tư 01 Nhà học mầm non khép kín tại bản với diện tích 60 m² phục vụ cho con em trong bản (quy mô thiết kế 30 cháu).

Kinh phí dự kiến: 60 m² x 0,06 = 360 triệu đồng (Theo quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDDT ngày 16/7/2008 của Bộ Giáo dục – Đào tạo).

- Nhà văn hoá cộng đồng, sân thể thao bản:

Đầu tư xây dựng mới nhà sinh hoạt cộng đồng với quy mô 300 m², trên diện tích đất 2.000 m² tại khu dân cư mới ở Khe Noong. Dự kiến đến năm 2015 hoàn thành hạng mục này.

Kinh phí dự kiến: 300m² x 0,005 = 1,5 tỷ đồng (Theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn).

- Lĩnh vực Y tế:

Trước mắt đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ khám và chữa bệnh, xây mới khu xử lý rác thải y tế và các công trình phụ trợ khác.

Hỗ trợ xây dựng hố xí hợp vệ sinh cho 34 hộ. Kinh phí dự kiến 510 triệu đồng (34 công trình x 15 triệu đồng/công trình).

Bổ trí cán bộ y tế có năng lực, trình độ tại Trạm y tế xã, đầu tư nâng cấp Trạm y tế đảm bảo dây chuyền hoạt động và mua sắm bổ sung trang thiết bị theo danh mục quy định để phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân trong vùng và bản Rào Tre.

3.6. Giải pháp về nâng cao trình độ dân trí, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, truyền thống:

- Tiếp tục vận động đưa con em đến trường đúng độ tuổi; hạn chế tối đa tình trạng bỏ học; nâng cao chất lượng học tập của con em trong bản.

- Tuyên truyền, giới thiệu các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Chứt; đưa nội dung văn hóa vào giáo dục ở nhà trường; bảo tồn tiếng nói; đưa nội dung văn hóa vào các chương trình phát triển của vùng miền núi – dân tộc; hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, pháp lý để đồng bào bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc.

- Thiết lập và củng cố các tổ chức chính trị - xã hội, đề cao vai trò cán bộ cơ sở, mở rộng giao lưu với cộng đồng xung quanh. Lựa chọn, bồi dưỡng, phát triển được 01 đồng chí trưởng bản có năng lực, có tiếng nói với dân bản, để dân bản nghe và làm theo.

3.7. Giải pháp về công tác đảm bảo sức khỏe và sức khỏe sinh sản, duy trì nòi giống.

- Kiểm soát tốt tình trạng hôn nhân cận huyết trong bản, đặc biệt cần xây dựng sơ đồ tộc hệ để quản lý tốt hơn vấn đề này; có các biện pháp hành chính thích hợp để chấm dứt tình trạng hôn nhân cận huyết thống.

- Thiết lập đường dây nóng giữa 2 địa phương (ở cả cấp huyện và xã) có đồng bào dân tộc Chứt sinh sống thuộc tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình. Cần có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích bà con dân tộc Chứt ở 2 tỉnh thường xuyên gặp gỡ, giao lưu, trong đó ưu tiên đối tượng thanh niên giữa đồng bào dân tộc Chứt sinh sống trên địa bàn 02 tỉnh Hà Tĩnh – Quảng Bình; hỗ trợ tổ chức đám cưới cho các đôi nam nữ của 02 bản kết hôn. Tăng cường giao lưu với các dân tộc thiểu số khác trong toàn quốc:

- Khuyến khích hôn nhân khác tộc và không cận huyết thống: Các cặp hôn nhân khác tộc và không cận huyết thống sẽ được tạo điều kiện về đất đai, nhà ở và một số hỗ trợ khác nhằm ổn định đời sống và sản xuất.

- Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cộng đồng và sức khỏe sinh sản cho dân bản.

3.8. Giải pháp bảo vệ môi trường.

Dân tộc Chứt, bản rào tre quen sống lối sống hoang dã, việc sinh hoạt, phóng uế đều ra môi trường tự nhiên không qua xử lý. Do đó cần sớm hoàn thiện quy hoạch đất ở, đất sản xuất, xây dựng công trình vệ sinh công cộng hoặc tại hộ gia đình và hướng dẫn cho bà con dân bản trong quá trình sử dụng; nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, tuyên truyền, vận động và ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng, tăng diện tích rừng trồng phòng hộ các vùng đồi dốc, khe suối; khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường sinh thái.

Hướng dẫn và thu gom, xử lý rác thải hữu cơ theo đúng quy trình, nhằm giảm thiểu bệnh tật và tác hại cho môi trường; tiến tới thành lập HTX môi trường theo tiêu chí nông thôn mới.

III. NHU CẦU VỐN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ.

1. Các căn cứ khái toán vốn.

- Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-BXD ngày 26/4/2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình năm 2012;

- Căn cứ Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hà Tĩnh;

- Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh về việc công bố suất đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh;

Dự kiến nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch của xã từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn từ ngân sách của trung ương và địa phương (chiếm 80%);
- Nguồn vốn từ quỹ tín dụng phát triển (chiếm 10%);
- Các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức, các cá nhân hảo tâm và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (chiếm 10%);

2. Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 34.454 triệu đồng

2.1. Vốn ngân sách: 27.652 triệu đồng

a) Ngân sách TW hỗ trợ 100% vốn thực hiện các hạng mục: Quy hoạch và các công trình hạ tầng cấp xã, gồm: đường giao thông đến xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cấp thôn, xã, cán bộ hợp tác xã.

b) Vốn từ các Chương trình MTQG, các chương trình, dự án khác:

Bao gồm: Chương trình giảm nghèo; Chương trình quốc gia về việc làm; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chương trình phòng chống tội phạm; chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình; chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh hiểm nghèo và HIV/AIDS; chương trình thích ứng biến đổi khí hậu; chương trình về văn hóa; chương trình về giáo dục đào tạo; chương trình 135...

2.2. Vốn tín dụng, bao gồm vốn vay hỗ trợ đầu tư phát triển và tín dụng thương mại: 3.714 triệu đồng.

2.3. Vốn huy động từ các tổ chức, các cá nhân hảo tâm và nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 3.088 triệu đồng.

3. Phân kỳ đầu tư:

Trên cơ sở Tổng nhu cầu vốn, cơ cấu nguồn vốn, Đề án đã xác lập phân kỳ đầu tư cho từng giai đoạn 2014 - 2015, 2016 - 2020, theo hạng mục đầu tư và cơ cấu nguồn vốn. Riêng nhu cầu vốn trong giai đoạn 2014 - 2015 đã xác định theo từng năm (theo biểu đính kèm)

TT	Nội dung	Tổng vốn	Vốn ngân	Vốn tín	Vốn xã	Ghi chú
----	----------	----------	----------	---------	--------	---------

			sách	dụng	hội hóa	
1	Vốn đầu tư XD CB	26.971	19.339	3.544	4.088	
-	Năm 2014		3.000	886	1.022	
-	Năm 2015		6.000	886	1.022	
-	Năm 2016-2020		10.339	1.772	2.044	
2	Vốn phát triển sản xuất	5.472	2.302	3.170	0	
-	Năm 2014		186	478	0	
-	Năm 2015		486	878	0	
-	Năm 2016-2020		1.630	1.814	0	
3	Vốn các hoạt động khác	2.011	2.011	0	0	
-	Năm 2014		160	0	0	
-	Năm 2015		340	0	0	
-	Năm 2016-2020		1.511	0	0	
	Cộng	34.454	24.652	5.714	4.088	

Phần thứ ba

HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Hiệu quả của Đề án.

1. Về kinh tế.

Do Bản rào tre nói riêng cũng như xã Hương Liên nói chung có điều kiện phát triển kinh tế, xã hội còn rất yếu kém so với các địa phương khác; đặc biệt dân tộc Chứt, bản Rào Tre còn có tập quán sinh hoạt cũng như sản xuất còn rất lạc hậu, nên khi lập đề án không đặt ra yêu cầu cao về hiệu quả kinh tế. Mục tiêu chính của Đề án là khi thực hiện sẽ giúp bà con dân tộc định cư ổn định, thoát ra khỏi tập quán canh tác lạc hậu, dần hòa nhập được về mọi mặt với cộng đồng dân cư và tiến tới tự túc được lương thực, thoát khỏi cảnh đói nghèo.

2. Về văn hoá - xã hội.

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi theo hướng bền vững, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học; nâng cao đời sống nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa miền núi với đồng bằng và thành thị. Quan tâm chăm lo phát triển văn hóa - xã hội trên địa bàn; xây dựng đời sống văn

hóa, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Góp phần củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

3. Về môi trường và phát triển bền vững.

Theo đề án, việc phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường luôn được quan tâm đồng thời. Điều này sẽ giúp xã hội phát triển một cách bền vững. Trong giai đoạn tới, cần tập trung vào việc vận động nhân dân cải tạo cảnh quan chung, cải tạo nhà ở, xây dựng các công trình vệ sinh phù hợp tiêu chuẩn, vệ sinh môi trường sạch đẹp...

II. Tổ chức thực hiện.

2.1. Đối với UBND xã Hương Liên.

- Thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý cấp xã, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, cán bộ chuyên môn để triển khai thực hiện Đề án ở xã. Ban quản lý cấp xã, hàng tuần, tháng, quý tổng hợp kết quả thực hiện đề án; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai đề án để đưa ra giải pháp thực hiện trong gian tiếp theo.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Đề án.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm.
- Tiếp nhận và huy động các nguồn lực đầu tư.
- Tổ chức giám sát và sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của đề án hàng năm.

2.2. Đối với huyện Hương Khê:

- UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện đề án khi được phê duyệt.

- Chỉ đạo các phòng, ngành chuyên môn của huyện, UBND xã Hương Liên và phối hợp với các cơ quan liên quan (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường) rà soát, tham mưu UBND tỉnh trong việc thu hồi đất để giao cho các hộ dân theo kế hoạch di dân.

- Cử cán bộ chuyên môn có năng lực, tâm huyết trên một số lĩnh vực như: Nông lâm nghiệp, chăn nuôi, chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản,... cùng với cán bộ chuyên môn cấp xã, bộ đội biên phòng thường xuyên bám sát địa bàn trong quá trình thực hiện đề án.

- Văn phòng HĐND&UBND huyện (cơ quan Thường trực): Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn và tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức Đoàn thể: Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, xã hội hóa việc hỗ trợ bảo tồn và phát triển đồng bào dân tộc Chứt; lựa chọn, đăng ký đỡ đầu triển khai thực hiện mô hình sản xuất phù hợp với tình hình, khả năng của bà con dân bản; hướng dẫn, giúp đỡ bà con thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, đảm bảo ổn định cuộc sống.

2.3. Bộ đội biên phòng: Tiếp tục giúp đỡ bà con thôn bản; phối hợp kêu gọi các nhà hảo tâm hỗ trợ, đầu tư phát triển đồng bào Dân tộc Chứt; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số theo tinh thần Nghị

quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về phát triển văn hoá về đầu tư phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số.

2.4. Phòng Dân tộc (Văn phòng UBND tỉnh):

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án; kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn, giúp UBND huyện Hương Khê, UBND xã Hương Liên trong việc tham mưu đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện có hiệu quả Đề án.

2.5. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- + Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hương Khê và UBND xã Hương Liên kịp thời hoàn thành các thủ tục thu hồi đất, giao đất cho bà con dân bản.

- + Hướng dẫn UBND huyện Hương Khê, UBND xã Hương Liên lập phương án phát triển sản xuất, phương án di dân; chỉ đạo thực hiện phát triển sản xuất, di dân; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Đề án; hướng dẫn thủ tục đầu tư thực hiện các dự án theo quy định hiện hành.

- Sở Tài chính: Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan xây dựng chính sách; tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, thanh quyết toán nguồn kinh phí.

- Tỉnh Đoàn Hà Tĩnh: Phối hợp, làm việc với Tỉnh đoàn các tỉnh: Nghệ an, Quảng bình; chỉ đạo Huyện Đoàn Hương Khê tổ chức các cuộc giao lưu giữa đồng bào dân tộc thiểu số 03 tỉnh, trao đổi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, sinh hoạt, lựa chọn các nội dung kết nghĩa, giao lưu, sân khấu hóa đem lại sự tự tin cho bà con dân bản, từng bước hòa nhập chung với cộng đồng trong và ngoài xã, huyện, tỉnh.

- Các sở, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành ưu tiên bố trí lồng ghép nguồn vốn để triển khai thực hiện Đề án; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp UBND xã Hương liên, UBND huyện Hương Khê thực hiện có hiệu quả Đề án và phát triển đồng bào dân tộc Chứt.

III. Thời gian thực hiện Đề án: Đến 2020 và những năm tiếp theo.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH